



Bài báo nghiên cứu

QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN TẠI CÁC CƠ SỞ DỊCH VỤ LƯU TRÚ THÀNH PHỐ HỘI AN HƯỚNG ĐẾN MỤC TIÊU TUẦN HOÀN CHẤT THẢI

Hồ Thị Thanh Hiền*, Phan Văn Tini

Trường Đại học Văn Lang, Việt Nam

*Tác giả liên lạc: Hồ Thị Thanh Hiền – Email: hien.htt@vlu.edu.vn

Ngày nhận bài: 17-02-2024; ngày nhận bài sửa: 17-4-2024; ngày duyệt đăng: 03-5-2024

TÓM TẮT

Phân loại chất thải rắn tại nguồn là điều kiện tiên quyết trong các hệ thống quản lý chất thải theo định hướng phát triển bền vững. Tại các đô thị du lịch, đặc biệt là các di sản văn hóa thế giới được UNESCO công nhận, quản lý chất thải nhằm giảm thiểu và tuần hoàn chất thải không chỉ giúp giải quyết vấn đề môi trường mà còn giảm thiểu tài nguyên và góp phần phát triển du lịch bền vững. Nghiên cứu này phân tích năng lực và khả năng đóng góp của các cơ sở dịch vụ lưu trú tại thành phố Hội An đến mục tiêu quản lý chất thải rắn theo định hướng tuần hoàn chất thải và phát triển bền vững. Với công cụ phân tích SWOT, thực hành quản lý chất thải rắn tại các cơ sở dịch vụ lưu trú được xem xét trong mối tương quan với điều kiện cơ sở hạ tầng và kinh tế - xã hội tại địa phương. Trên cơ sở đó, giải pháp nâng cao năng lực quản lý chất thải rắn đối với các cơ sở dịch vụ lưu trú được đề xuất.

Từ khóa: quản lý chất thải rắn; tái chế; kinh tế tuần hoàn; phát triển bền vững; du lịch bền vững

1. Giới thiệu

Du lịch Việt Nam ngày càng được biết đến nhiều hơn trên thế giới, nhiều điểm đến trong nước được bình chọn là địa chỉ yêu thích của du khách quốc tế. Ngành du lịch thành phố Hội An với khu phố cổ rộng 5 km² được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa thế giới năm 1999 giữ vai trò chủ đạo trong cơ cấu kinh tế của địa phương. Tổng giá trị sản xuất toàn ngành Du lịch - Dịch vụ - Thương mại ước đạt 8563,6 tỉ đồng. Năm 2019, thành phố (TP.) Hội An đón hơn 5 triệu lượt khách du lịch, trong đó khách quốc tế là 4 triệu lượt. Song, đi kèm với sự phát triển là sự gia tăng chất thải của ngành dịch vụ du lịch (WWF & VISI, 2020).

Sau thời điểm đại dịch Covid-19 bùng phát tại Việt Nam, ngành du lịch TP. Hội An bị ảnh hưởng nặng nề với lượng du khách giảm, khối lượng chất thải rắn (CTR) của Thành phố

Cite this article as: Ho Thi Thanh Hien, & Phan Van Tini (2024). Waste management in Hoi An City's accommodation services: moving towards a circular waste economy. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 21(6), 1142-1155.

là 80 tấn/ngày (People's Committee of Hoi An city, 2021). Chỉ một lượng nhỏ CTR được xử lý tại chỗ, phần còn lại được vận chuyển đến xử lý tại một địa phương khác trong tỉnh (WWF & VISI, 2020). Hiện nay, khi ngành du lịch của Thành phố đang khôi phục trở lại, khối lượng CTR có thể trở lại mức 100 tấn/ngày như thời điểm trước đại dịch (Lan Anh, 2023). Trong bối cảnh quản lý chất thải không hiệu quả, ngành du lịch tại phố cổ Hội An nói riêng đang đứng trước nguy cơ phát triển không bền vững.

Tính đến cuối năm 2022 TP. Hội An có 841 cơ sở dịch vụ lưu trú (CSDVLT) phục vụ du khách nội địa lẫn quốc tế như Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, các quốc gia châu Âu và Mỹ (Son, 2023). Chủ trương hiện nay của Hội An là không khuyến khích mở rộng số lượng CSDVLT mà tập trung nâng cao chất lượng, hướng đến mô hình dịch vụ lưu trú đảm bảo tiêu chí du lịch xanh (People's Committee of Hoi An City, 2014). Làm sao để phát huy vai trò của ngành dịch vụ lưu trú trong tiến trình phát triển du lịch bền vững tại TP. Hội An là một thách thức, đòi hỏi các hiểu biết sâu về năng lực của các CSDVLT cũng như các yếu tố bên ngoài như điều kiện cơ sở hạ tầng, kinh tế - xã hội, và chính sách quản lý nhà nước.

Phân tích SWOT (viết tắt của *strength/ điểm mạnh, weaknesses/ điểm yếu, opportunity/ cơ hội, và threats/ thách thức* hoặc *mối đe dọa*) được sử dụng phổ biến nhằm đưa ra các chiến lược phát triển cho các doanh nghiệp (Houben et al., 1999). Theo đó, *điểm mạnh* trong phân tích SWOT là năng lực nội bộ và các yếu tố tích cực của cơ sở kinh doanh, phù hợp để doanh nghiệp đạt được mục tiêu và phục vụ khách hàng một cách hiệu quả. *Điểm yếu* là những yếu tố hoặc hạn chế bên trong có thể cản trở hoặc cản trở hoạt động của một tổ chức. Vì vậy, *điểm mạnh* và *điểm yếu* là yếu tố bên trong của tổ chức. *Cơ hội* trong phân tích SWOT là những yếu tố hoặc đặc điểm thuận lợi cho tổ chức có thể khai thác lợi thế của mình để đạt mục tiêu. *Thách thức*, hay còn có cách gọi khác là *mối đe dọa* liên quan đến các yếu tố tiêu cực bên ngoài công ti, có thể cản trở hoặc trì hoãn các mục tiêu có thể đạt được. Như vậy, các cơ hội và thách thức được xem là các yếu tố môi trường bên ngoài.

Dựa trên sự kết hợp giữa các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức, phân tích SWOT có thể được sử dụng hiệu quả để xây dựng chiến lược cho tổ chức (Lee & Sai On Ko, 2000; Valentin, 2001). Dựa trên các yếu tố bên trong và bên ngoài, nhà quản lý có thể xây dựng 4 chiến lược như sau: chiến lược SO – tận dụng cơ hội để phát huy điểm mạnh; chiến lược WO: tận dụng cơ hội để giảm thiểu điểm yếu; chiến lược ST – tận dụng điểm mạnh để tránh các mối đe dọa; và chiến lược WT: giảm thiểu điểm yếu để tránh các mối đe dọa (David et al., 2019).

Ngoài lĩnh vực kinh tế, công cụ phân tích SWOT cũng được sử dụng trong nhiều lĩnh vực đa dạng như y tế, giáo dục, sinh thái, và du lịch (Adepoju & Famade, 2010; Benzaghta et al., 2021; Bull et al., 2016; Falcone, 2019; Scotti & Pietrantonio, 2013). Falcone (2019) xác định các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đặc trưng của ngành du lịch ở Salento – Ý để đề xuất chương trình nghị sự về các hành động chính sách liên quan đến quá trình chuyển đổi theo hướng tuần hoàn. Phân tích SWOT cũng được sử dụng để đánh giá

các mục tiêu, mong muốn và nhu cầu thực hiện Pháp lệnh giảm thiểu xử lý chất thải hữu cơ SB 1383 tại TP. Covina, bang California - Hoa Kỳ (Livias, 2022).

Cải thiện thực hành quản lý chất thải hiện tại là điều cần thiết để đóng góp vào phát triển kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững (Kabir & Kabir, 2020). Trong trường hợp này, đối tượng nghiên cứu chính là các CSDVLT, thành phần quan trọng trong ngành dịch vụ du lịch tại TP. Hội An. Nghiên cứu này sử dụng công cụ SWOT để phân tích năng lực và khả năng đóng góp của các CSDVLT đến mục tiêu quản lý CTR theo định hướng tuần hoàn chất thải và phát triển bền vững trong mối tương quan với điều kiện cơ sở hạ tầng và kinh tế - xã hội liên quan đến quản lý CTR tại TP. Hội An. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao năng lực quản lý CTR đối với các CSDVLT.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp phân tích SWOT

Mục tiêu chính của phân tích SWOT là xem xét các đặc điểm bên trong (tức là điểm mạnh và điểm yếu) và bên ngoài hệ thống (tức là cơ hội và thách thức), nhằm hỗ trợ các hoạt động giúp đạt được mục tiêu (Kurttila et al., 2000). Trong nghiên cứu này, hệ thống được xác định là tập hợp các CSDVLT tại TP. Hội An, bao gồm 5 nhóm là khách sạn quy mô lớn (4-5 sao, resort), khách sạn quy mô trung bình (2-3 sao), khách sạn quy mô đơn giản (1 sao/nhà nghỉ), biệt thự nghỉ dưỡng, và homestay (Pham et al., 2018). Điểm mạnh và điểm yếu của hệ thống được xem xét ở các khía cạnh năng lực và khả năng đóng góp của các CSDVLT đến mục tiêu quản lý CTR theo định hướng tuần hoàn và phát triển bền vững. Pham et al. (2018) nghiên cứu các yếu tố tác động đến thực hành tái chế CTR và ủ compost bao gồm: nhận thức (trách nhiệm xã hội, lợi ích kinh tế), thông tin và kỹ năng, không gian sử dụng, thời gian, lao động, và vấn đề vệ sinh. Trên cơ sở đó, khía cạnh năng lực trong nghiên cứu này sẽ xem xét cụ thể các yếu tố: năng lực nhận thức, thông tin và kỹ năng quản lý CTR tại nguồn. Khả năng đóng góp của CSDVLT sẽ bao gồm không gian sử dụng, thời gian, lao động, và đảm bảo vấn đề vệ sinh.

Theo Oteng-Ababio (2011), hiệu quả quản lý CTR bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, bao gồm: văn hóa, giáo dục và kinh tế vi mô; cơ sở hạ tầng, tổ chức xã hội và công nghệ; chính sách, thể chế và kinh tế vĩ mô; và hệ thống quản lý CTR tích hợp. Mặt khác, việc chuyển đổi du lịch theo hướng bền vững nhấn mạnh vai trò của mô hình sản xuất và tiêu dùng mới nhằm giảm thiểu chất thải và chuyển đổi chất thải thành các sản phẩm có giá trị, cũng như bảo tồn di sản văn hóa và các giá trị truyền thống (Pan et al., 2018). Nghiên cứu này, trên cơ sở cấu trúc lại các nhóm yếu tố bên ngoài hệ thống, xem xét điều kiện cơ sở hạ tầng quản lý CTR (bao gồm hệ thống quản lý CTR tích hợp và công nghệ), và các tổ chức kinh tế - xã hội có vai trò quan trọng cho mục tiêu quản lý CTR theo định hướng tuần hoàn và phát triển bền vững.

2.2. Phương pháp thu thập thông tin

Nghiên cứu sử dụng cả hai loại dữ liệu sơ cấp và thứ cấp với ba phương pháp thu thập thông tin được trình bày sau đây.

2.2.1. Điều tra khảo sát

Phương pháp điều tra khảo sát được thực hiện nhằm thu thập dữ liệu sơ cấp từ các CSDVLT tại TP. Hội An. Nhóm nghiên cứu đã thực hiện khảo sát tại 31 CSDVLT (Bảng 1), bao gồm các loại hình phổ biến gồm: homestay, villa, khách sạn 1 sao/ nhà nghỉ, khách sạn 2-3 sao, khách sạn 4-5 sao và resort (Pham et al., 2018). Phiếu khảo sát kết hợp hai loại câu hỏi đóng và câu hỏi mở. Các câu hỏi đóng nhằm xác định loại hình và quy mô cơ sở lưu trú, các khu vực phát sinh CTR, hiện trạng quản lý CTR tại cơ sở lưu trú. Hiện trạng phân loại, lưu giữ, tái chế, tái sử dụng và xử lý được tìm hiểu riêng cho từng loại CTR, bao gồm 9 nhóm: CTR dễ phân hủy sinh học (thực phẩm thừa, chất thải từ quá trình sơ chế thực phẩm), chai PET, lon nước thải khát bằng kim loại, giấy sạch (giấy văn phòng, giấy quảng cáo, báo, tạp chí, carton, giấy bìa), chai lọ thủy tinh, vật dụng vải cũ (bọc chăn, gối, khăn ăn, khăn tắm...), nhựa – nylon, dầu ăn đã qua sử dụng, và CTR còn lại. Đối tượng trả lời Phiếu khảo sát là quản lý cơ sở lưu trú (đối với cơ sở quy mô nhỏ), hoặc cán bộ quản lý nhân sự/ quản lý buồng phòng và quản lý bếp, nhà hàng (đối với cơ sở quy mô lớn). Các câu hỏi mở được sử dụng để tìm hiểu các lý do, động lực, và khó khăn trong quản lý CTR tại cơ sở.

Bảng 1. Cơ sở dịch vụ lưu trú đã khảo sát khảo sát

Loại dịch vụ lưu trú	Số lượng thực tế (*)	Tỉ lệ thực tế (%)	Cỡ mẫu khảo sát thực tế (2020)	Tỉ lệ khảo sát (%)	Quy mô phòng lưu trú (phòng)	Quy mô khách lưu trú (khách)
Homestay	250	40,5	7	22,6	4-21	8-63
Khách sạn 1 sao/ Nhà nghỉ	92	14,9	6	19,4	8-24	28-86
Khách sạn 2-3 sao	56	9,1	7	22,6	16-60	32-120
khách sạn 4-5 sao	39	6,3	2	6,5	68-100	190-280
Villa	145	23,5	4	12,9	5-25	16-50
Resort	35	5,7	5	16,1	83-220	200-440
Tổng	617	100,0	31	100,0		

Nguồn: People's Committee of Hoi An city (2018)

2.2.2. Hội thảo các bên liên quan

Hội thảo các bên liên quan được tổ chức ngày 27/12/2019 với mục tiêu chia sẻ thông tin về đề tài nghiên cứu, đồng thời thảo luận về hiện trạng quản lý CTR du lịch tại Hội An, thành quả và tồn đọng, kế hoạch quản lý CTR theo định hướng tuần hoàn và phát triển bền vững, cũng như cơ hội và thách thức với trọng tâm là ngành du lịch của Thành phố. Đối tượng tham dự Hội thảo gồm các đại diện của: Phòng Tài nguyên Môi trường TP. Hội An, Công ty Môi trường Đô thị TP. Hội An, Ban quản lý Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm, doanh nghiệp xã hội Hội An Ecocity, Trung tâm hỗ trợ phụ nữ khuyết tật, Trường Đại học Duy Tân, Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng, Trường Cao đẳng Kinh tế Kế hoạch Đà Nẵng, Silk Sense Hoi An River Resort, Nhà hàng Mùa, doanh nghiệp cung cấp sản phẩm thân thiện môi

trường. Thông tin chia sẻ từ các thành viên tham dự Hội thảo được đưa vào ma trận phân tích SWOT và đề xuất giải pháp theo bốn nhóm chiến lược SO, ST, WO, và WT (David et al., 2019).

2.2.3. Tổng quan tài liệu

Phương pháp tổng quan tài liệu được sử dụng để thu thập thông tin và dữ liệu thứ cấp phục vụ thiết kế nghiên cứu, phân tích SWOT và đề xuất giải pháp nâng cao năng lực quản lý CTR cho các CSDVLT tại TP. Hội An. Dữ liệu và thông tin thu thập bao gồm loại hình, số lượng và phân bố CSDVLT, lượng khách du lịch, khối lượng và thành phần CTR của Thành phố và từ các tổ chức dịch vụ du lịch nói riêng, đặc điểm các CSDVLT và năng lực quản lý CTR, điều kiện cơ sở hạ tầng và kinh tế - xã hội liên quan đến quản lý CTR của Thành phố. Nguồn tài liệu sử dụng đa dạng, bao gồm các báo cáo nghiên cứu và quản lý, công bố khoa học, sách, báo điện tử, website tổ chức/ doanh nghiệp và văn bản Nhà nước.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Hiện trạng quản lý CTR tại các CSDVLT

Tại thời điểm thực hiện nghiên cứu (2019-2020), TP. Hội An đã triển khai chương trình phân loại CTR tại nguồn. Theo đó, Thành phố yêu cầu các chủ nguồn thải phân loại CTR thành hai nhóm riêng biệt, “chất thải hữu cơ” và “chất thải vô cơ”, với lịch trình thu gom đối với mỗi nhóm khác nhau trong tuần. Nếu xét theo tiêu chí này để đánh giá hiện trạng phân loại CTR tại các CSDVLT thì chỉ có 38,8% cơ sở thực hiện, trong đó resort và khách sạn 4-5 sao chiếm 16,1%, khách sạn 2-3 sao 9,7%, biệt thự nghỉ dưỡng 6,5%, và homestay 6,5%. Tỷ lệ này thấp hơn tỷ lệ được công bố năm 2012 (76%) khi chương trình phân loại CTR tại nguồn mới được triển khai tại Thành phố, nhưng xu hướng khá tương đồng giữa các loại hình dịch vụ lưu trú theo nghiên cứu của Phạm et al. (2018). “Chất thải hữu cơ” được phân loại riêng tại cơ sở gồm thực phẩm thừa từ nhà hàng, chất thải từ quá trình sơ chế thực phẩm bao gồm cả nguồn gốc động vật (vỏ trứng, xương...) và thực vật (rau củ quả).

Tuy nhiên, nếu đánh giá công tác phân loại CTR một cách mềm dẻo hơn, có nghĩa rằng CSDVLT chỉ cần phân loại một trong số các loại CTR phát sinh được xem là có phân loại, thì tỷ lệ này đạt đến 100% CSDVLT. Ba động cơ phân loại chất thải chủ yếu là: bán (hoặc cho) nhằm mục đích tái chế; cho các cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm; và tái sử dụng tại đơn vị. Hai loại chất thải được phân loại để bán tái chế nhiều nhất là chai PET và lon nước giải khát bằng kim loại, tại 92,5% CSDVLT. Các loại giấy sạch như carton, giấy văn phòng, giấy bì cứng cũng được phân loại để bán tái chế ở 80% CSDVLT. Thực phẩm thừa là loại chất thải phổ biến nhất ở các CSDVLT, đặc biệt tại các cơ sở phục vụ buffet. Có đến 84% CSDVLT chuyển giao thực phẩm thừa để chăn nuôi gia súc, gia cầm. Hầu hết các CSDVLT thu hồi để tận dụng các vật dụng từ vải làm bọc ruột gối, khăn lau, thảm lau chân, giẻ lau nhà (chiếm 89,5%) và sử dụng lại dầu ăn từ các món chiên cho những lần nấu nướng tiếp theo (chiếm 62,5%).

3.2. Điều kiện thuận lợi để quản lý CTR bền vững cho lĩnh vực dịch vụ lưu trú

3.2.1. Điểm mạnh (S) của hệ thống (cộng đồng CSDVLT)

Vai trò của nhận thức luôn được đánh giá cao trong lý thuyết về hành vi, bởi lẽ nhận thức tác động dẫn dắt hành vi, và điều này không ngoại lệ trong khoa học về tâm lý hành vi môi trường (Gkargkavouzi et al., 2020; Xie & Lu, 2022). Theo nghiên cứu của Pham et al. (2018), phần lớn chủ các CSDVLT hiểu rõ về vai trò xã hội và môi trường (62%) cũng như nhận thức được lợi ích kinh tế (83%) của việc tái chế. Điều này một phần lí giải vì sao các CSDVLT khảo sát đều thực hiện phân loại chất thải nhằm thu hồi các loại chất thải có giá trị phục vụ cho các mục đích khác nhau. Kết quả từ nghiên cứu này cũng như của Pham et al. (2018) đều cho thấy hiệu quả phân tách các dòng chất thải (chai PET, lon nước giải khát bằng kim loại, giấy, vải, thực phẩm thừa) phục vụ mục tiêu tái chế và tái sử dụng tại các CSDVLT rất cao. Đây là dấu hiệu tích cực để phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ lưu trú.

Tỉ lệ resort và khách sạn quy mô lớn thực hành phân loại CTR tại nguồn theo yêu cầu của chính quyền Thành phố cao hơn các loại hình dịch vụ lưu trú khác là điểm mạnh của hệ thống. Tại TP. Hội An, tuy loại hình resort và khách sạn quy mô lớn chiếm tỉ lệ thấp nhưng đáp ứng gần 87% tổng công suất phòng lưu trú (Mỹ Lệ, 2023). Điều này đồng nghĩa với khả năng tiếp nhận du khách cũng như phát sinh khối lượng CTR từ resort và khách sạn quy mô lớn là chủ yếu. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cho thấy các loại CSDVLT này có nhân sự vận hành dồi dào, có kho lưu chứa chất thải và phế liệu, thậm chí một số cơ sở còn thực hiện kiểm toán chất thải. Trong số các loại hình dịch vụ lưu trú, biệt thự nghỉ dưỡng và resort là hai loại có diện tích vườn tương đối lớn, do đó có thể cân nhắc khả năng triển khai tái chế CTR để phân hủy sinh học (rau củ quả thừa) thành compost tại chỗ. Những đặc điểm nêu trên của hệ thống CSDVLT tại TP. Hội An là điều kiện thuận lợi khi Thành phố triển khai chiến lược quản lý CTR định hướng tuần hoàn và bền vững.

3.2.2. Cơ hội (O) từ các yếu tố bên ngoài

- **Định hướng phát triển của chính quyền địa phương**

Ý chí của chính quyền địa phương là điều kiện tiên quyết trong các tiến trình cải thiện công tác quản lý CTR theo định hướng phát triển bền vững (Seah & Addo-Fordwuor, 2021). Trên cơ sở hoạt động kinh tế trọng điểm là du lịch, chính quyền TP. Hội An quyết tâm theo đuổi định hướng phát triển trở thành “Thành phố sinh thái - văn hóa - du lịch” (DONRE, 2019). Việc cải thiện môi trường và cung cấp các dịch vụ du lịch bền vững sẽ góp phần vào việc phát triển và quảng bá ngành du lịch của thành phố. Bên cạnh khu vực lõi, Thành phố tiếp tục xây dựng Cẩm Thanh trở thành xã du lịch sinh thái hình mẫu của Thành phố, đồng thời tiếp tục mở rộng các mô hình ra các địa phương khác như: Thanh Hà, Minh An, Cẩm Kim (GEF-SGP & UNDP, 2018). Tiếp cận zero waste (không chất thải), 3R, 5R, không rác thải nhựa đại dương là định hướng quản lý CTR bền vững của Thành phố trong điều kiện hạn hẹp quỹ đất chôn lấp chất thải (GEF-SGP & UNDP, 2020).

- **Các cá nhân và tổ chức kinh tế - xã hội tham gia lĩnh vực tái chế CTR**

Một số loại phế liệu có giá trị trao đổi được phân loại riêng tại nguồn và bán cho người thu mua ve chai (thuộc khối phi chính thức trong hệ thống quản lý CTR). Khối phi chính thức tham gia lĩnh vực tái chế CTR tại TP. Hội An gồm tổ đại lý thu mua ve chai và tổ vay vốn, xe đẩy và xe đạp thu mua ve chai với số lượng 17 đại lý và 15 đến 50 người thu mua ve chai giao dịch tại mỗi đại lý (GEF-SGP & UNDP, 2018). Lực lượng này được tham gia các chương trình tập huấn, nâng cao năng lực truyền thông nhằm bảo vệ môi trường trong cộng đồng (DONRE, 2019). Cũng như tại nhiều địa phương khác ở Việt Nam, lực lượng thu mua ve chai có ảnh hưởng cực kì quan trọng đến tỉ lệ CTR thu hồi và tái chế (GEF-SGP & UNDP, 2018; WWF & VISI, 2020).

Các cơ sở thu gom thực phẩm thừa tại các CSDVLT làm thức ăn gia súc, gia cầm cũng đóng vai trò tích cực trong việc xây dựng hệ sinh thái tuần hoàn chất thải. Lực lượng này giúp tận dụng giá trị của lượng chất thải rất lớn, với đặc điểm thuận lợi là phát sinh tập trung tại khu vực nhà hàng và bếp của các CSDVLT (Hoang et al., 2017; Manomaivibool, 2015; Pirani & Arafat, 2014). Tại Hội thảo các bên liên quan (27/12/2019), ý tưởng về việc sử dụng thực phẩm thừa nhưng chưa qua sử dụng từ dịch vụ buffet cho người vô gia cư hoặc có hoàn cảnh khó khăn tại TP. Hội An. Tuy nhiên, ý tưởng này vướng một số rào cản về mặt vệ sinh và đạo đức nên chưa thể hiện thực hóa được. Chính vì vậy, hình thức chuyển giao thực phẩm thừa cho các cơ sở thức ăn gia súc, gia cầm vẫn được xem là lựa chọn tốt nhất.

Green Youth Collective (2019) – một tổ chức xã hội năng động và có tầm ảnh hưởng tại TP. Hội An Chia sẻ tại Hội thảo rằng chiến lược quản lý CTR theo hướng tuần hoàn sẽ thuận lợi, đặc biệt đối với loại CTR dễ phân hủy sinh học từ rau củ quả, vì có hệ sinh thái tái chế và tiêu thụ sản phẩm compost phi tập trung. Nằm ở khu vực ven đô TP. Hội An, các hợp tác xã trồng rau (Thanh Đông, Cẩm Thanh) và doanh nghiệp xã hội Green Youth Collective (Cẩm Kim) thực hành ủ CTR sinh hoạt thành compost sử dụng trong canh tác nông nghiệp hữu cơ, do đó đóng vai trò như các trạm chế biến compost phi tập trung. Ngoài ra, các tổ chức này còn đóng vai trò là trung tâm giáo dục cộng đồng và du khách về quy trình chế biến CTR sinh hoạt thành sản phẩm có giá trị cho ngành nông nghiệp sạch địa phương (GEF-SGP & UNDP, 2020; Green Youth Collective, 2023). Từ năm 2025 đến 2023, Green Youth Collective đã hợp tác với hơn 10 khách sạn, đào tạo hàng trăm gia đình và phụ nữ ở TP. Hội An về lối sống tiết giảm, phân loại CTR và chế biến compost, đồng thời góp phần xử lý hơn 40 tấn CTR từ rau củ quả thành compost (Green Youth Collective, 2023). Việc thúc đẩy các trạm chế biến compost phi tập trung này không chỉ thu hút sự tham gia của cộng đồng mà còn thúc đẩy vòng tuần hoàn CTR cũng như du lịch bền vững tại TP. Hội An (Singh, 2020).

Bên cạnh lực lượng nông cốt tham gia vào hệ sinh thái tuần hoàn CTR tại các CSDVLT nêu trên, một số nhà hàng tại TP. Hội An cũng đóng góp và lan tỏa mục tiêu tuần hoàn CTR và phát triển du lịch bền vững thông qua các thực hành thiết thực (Season Restaurant, 2019; Silk Sense Hoi An River Resort, 2019). Theo đó, khách hàng được cung cấp các sản phẩm

và dịch vụ thân thiện với môi trường như: sử dụng ống hút tre/ ống hút gạo, lá chuối thay thế bao bì nhựa sử dụng một lần, vật dụng được tẩy rửa từ nguyên liệu tự nhiên như enzyme bồ hòn, chất thải thực phẩm được phân loại riêng và tái chế thành compost, rau hữu cơ. Nhiều nhà hàng phục vụ nước trong chai thủy tinh thay cho nước đóng chai PET.

- **Hỗ trợ tài chính từ các tổ chức quốc tế**

Các tổ chức quốc tế như Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDB) và Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF-SGP) đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy cộng đồng tham gia chương trình giảm thiểu, phân loại CTR cũng như thực hành lối sống xanh tại TP. Hội An (GEF-SGP & UNDP, 2018). Chương trình nâng cao nhận thức, năng lực của cộng đồng về bảo vệ môi trường, quản lý và phân loại CTR sinh hoạt với đa hình thức đã vận động người dân tích cực thực hiện phân loại CTR, và thu hồi phế liệu, giảm thiểu sử dụng và tiến đến không sử dụng túi nylon. Chương trình hỗ trợ vốn và cải tiến phương tiện thu mua ve chai (phế liệu) giúp người thu mua ve chai có cơ hội tăng thu nhập và nguồn vốn, chuyển đổi từ buôn bán dạo sang đại lí, kinh doanh với quy mô lớn hơn. Thực tế cho thấy, khi năng lực thu mua ve chai được nâng cao thì lượng CTR tái chế thu được nhiều hơn và thu nhập của người thu mua ve chai cũng tăng lên. Đồng thời, khi những người thu mua ve chai kết hợp truyền thông với quá trình thu mua thì số lượng người bán ve chai trung bình một ngày tăng 39,93%, lượng rác thu mua tăng 56,1%, và thu nhập tăng 41,87% (GEF-SGP & UNDP, 2018). Từ đó có thể nhận thấy ảnh hưởng của các tổ chức quốc tế đến các cá nhân và tổ chức kinh tế tham gia lĩnh vực tái chế CTR, qua đó gián tiếp tác động đến hành vi phân loại CTR cho các mục tiêu thu hồi, tái chế, tái sử dụng chất thải tại các CSDVLT TP. Hội An. Ngoài hỗ trợ tài chính, các tổ chức này còn kết nối chính quyền TP. Hội An với các tổ chức giáo dục và tổ chức phi chính phủ quốc tế nhằm nâng cao năng lực quản lý CTR (DONRE, 2019; GEF-SGP & UNDP, 2018, 2020).

- **Mạng lưới các tổ chức môi trường và nghiên cứu - giáo dục**

Tham gia và hỗ trợ công tác quản lý CTR cho chính quyền TP. Hội An bao gồm mạng lưới các tổ chức môi trường, nghiên cứu - giáo dục, và kinh tế - xã hội với những điển hình như JICA, GEF-SGP, UNESCO, IUCN, WWF, và DANIDA (DONRE, 2019). Kết quả dự án xây dựng mô hình xã hội hóa quản lý CTR sinh hoạt tại TP. Hội An còn được hỗ trợ phát triển từ hoạt động nghiên cứu khoa học của các trường đại học tại địa phương, khu vực và quốc gia như: Trường Cao đẳng Đức Trí, Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng, Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh (DONRE, 2019; UED-UDN, 2019).

- **Hiệp hội Du lịch Quảng Nam**

Hiệp hội Du lịch Quảng Nam (QTA) có ảnh hưởng khá quan trọng và trực tiếp đối với vấn đề quản lý CTR bền vững cho các CSDVLT là thành viên của Hội (DONRE, 2019; QTA, 2019). Đây là tổ chức đại diện tiếng nói cho các doanh nghiệp du lịch tại Quảng Nam, đồng thời đóng vai trò trong việc thúc đẩy du lịch bền vững tại TP. Hội An thông qua những sản

phẩm du lịch có tính giáo dục cao như: tái chế, tuần hoàn chất thải; đưa nông nghiệp sạch, hữu cơ vào sản phẩm; tạo hệ sinh thái du lịch kết nối người dân và doanh nghiệp. Theo chia sẻ từ QTA (2019), Hiệp hội xây dựng và triển khai *bộ tiêu chí du lịch xanh Quảng Nam*, thành lập tổ tư vấn, vận động các tổ chức quốc tế hỗ trợ doanh nghiệp như: hướng dẫn áp dụng tiêu chí, đào tạo nhân lực, khảo sát đánh giá và cấp chứng nhận du lịch xanh, tổ chức câu lạc bộ du lịch xanh và xây dựng chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn. Ngoài ra, *chợ phiên* là một sáng kiến mới gần đây của Hiệp hội kết hợp với chính quyền TP. Hội An nhằm hỗ trợ cho bà con nông dân với nông nghiệp hữu cơ và các khởi nghiệp với những sản phẩm nông sản, nguyên liệu địa phương thân thiện với môi trường, giảm thiểu rác thải và không rác thải nhựa đại dương.

3.3. Khó khăn trong quản lý CTR bền vững cho lĩnh vực dịch vụ lưu trú

3.3.1. Điểm yếu (W) của hệ thống (cộng đồng CSDVLT)

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỉ lệ phân loại CTR theo yêu cầu của Chính quyền tại loại hình lưu trú như homestay, khách sạn 1 sao/ nhà nghỉ, khách sạn 2-3 sao, và khách sạn 4-5 sao còn khá thấp do nhiều yếu tố. Hạn chế về không gian lưu giữ riêng các loại CTR và vấn đề vệ sinh là nguyên nhân chủ yếu. Tại các loại hình dịch vụ lưu trú nêu trên, không gian sân vườn cũng hạn hẹp hoặc không có. Yếu tố thứ hai là hạn chế về nhân sự phục vụ. Tại homestay, khách sạn 1 sao/ nhà nghỉ và khách sạn 2-3 sao, nhân sự phục vụ chỉ có 1-2 người trong một ca trực tùy quy mô cơ sở và đảm nhận phần lớn công việc phát sinh trong quá trình vận hành cơ sở, do đó không dành thời gian cho hoạt động phân loại CTR tại nguồn. Phạm et al. (2018) cho rằng tỉ lệ phân loại CTR thấp liên quan đến nhận thức của chủ các CSDVLT. Những yếu tố này là rào cản lớn trong tiến trình thu hồi và tái chế CTR tại các CSDVLT quy mô nhỏ.

3.3.2. Thách thức (T) từ các yếu tố bên ngoài

Mặc dù, Quy hoạch quản lý CTR tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2011-2020 đã được phê duyệt tại Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 12/01/2011 và Quyết định số 3931/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 của UBND, việc triển khai đầu tư hạ tầng kỹ thuật vẫn chưa hiệu quả. Chất thải rắn của TP. Hội An hiện nay được xử lý dưới 3 hình thức: chôn lấp, đốt và sản xuất compost, trong đó chủ yếu là chôn lấp (WWF & VISI, 2020). Bãi chôn lấp Cẩm Hà – TP. Hội An đã quá tải và không còn khả năng tiếp nhận. Nhà máy compost quy mô công suất 55 tấn/ngày, tiếp nhận và tái chế CTR để phân hủy sinh học. Tuy nhiên, Nhà máy thường xuyên gặp trục trặc trong quá trình vận hành do CTR chưa được phân loại tại nguồn triệt để, và Nhà máy thiếu công đoạn phân loại thứ cấp, dẫn đến chất lượng compost thấp. Toàn bộ lượng CTR còn lại từ nhà máy compost và lò đốt của TP. Hội An được vận chuyển đến bãi chôn lấp Núi Thành của Tỉnh Quảng Nam để xử lý (DONRE, 2019).

Với quỹ đất giới hạn, công nghệ đốt CTR vẫn là lựa chọn của tỉnh Quảng Nam nói chung và TP. Hội An nói riêng. Tuy nhiên, việc áp dụng công nghệ đốt trong bối cảnh của Thành phố sẽ đối mặt nhiều thách thức như: yêu cầu nguồn tài chính đáng kể cho đầu tư, và

đặc biệt là việc vận hành và bảo trì nhà máy; thu nhập từ việc bán năng lượng với giá thị trường không bù được các chi phí đầu tư và vận hành nhà máy gây nên rủi ro về tài chính (Mutz et al., 2017). Ở nhiều quốc gia, khu vực tư nhân vẫn ngần ngại đầu tư do những rủi ro tài chính liên quan. Một thách thức nữa là công nghệ đốt CTR yêu cầu nhân viên quản lý và vận hành có trình độ cao (Kabir & Kabir, 2020). Chính vì vậy, công nghệ đốt CTR được khuyến cáo rằng chúng chỉ phù hợp và có khả năng triển khai thành công tại các đô thị có khả năng vận hành hệ thống thu gom, vận chuyển, và chôn lấp CTR hiệu quả và an toàn (Mutz et al., 2017).

TP. Hội An đang thiếu các cơ sở tái chế trong hệ sinh thái quản lý CTR theo định hướng tuần hoàn chất thải. Trong khi đó, nhựa PET, các loại nhựa có khả năng tái chế cao như HDPE, PP, giấy – carton, kim loại chiếm tỉ lệ cao trong thành phần CTR tại các CSDVLT (Hoang et al., 2017; Manomaivibool, 2015; Pirani & Arafat, 2014). Do đó, toàn bộ phế liệu thu gom từ Thành phố cần được vận chuyển đến địa phương khác (DONRE, 2019).

3.4. Giải pháp nâng cao năng lực quản lý CTR đối với các CSDVLT

Trên cơ sở phân tích SWOT, chiến lược SO và WO nhằm tận dụng cơ hội để phát huy điểm mạnh và giảm thiểu điểm yếu của hệ thống. Điểm mạnh của hệ thống tập trung ở các CSDVLT quy mô lớn với năng lực nhận thức và cơ sở vật chất đáp ứng khá tốt với chiến lược tuần hoàn CTR. Trong khi đó điểm yếu của hệ thống liên quan đến thực hành phân loại CTR, và năng lực này có thể được cải thiện nếu nhận thức được nâng cao tại các CSDVLT quy mô nhỏ. Năng lực nhận thức cũng như kỹ năng phân loại, quản lý, tái chế CTR có thể được hỗ trợ bởi mạng lưới các tổ chức môi trường, nghiên cứu - giáo dục, tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế, cùng với Chính quyền địa phương với vai trò hỗ trợ hành lang pháp lý và phối hợp tổ chức.

Chiến lược ST và WT đề cập đến sự nhận biết các điểm mạnh và điểm yếu để tránh các mối đe dọa hoặc vượt qua những thách thức. Thách thức lớn cho việc quản lý CTR tại CSDVLT theo định hướng tuần hoàn chất thải liên quan đến cơ sở hạ tầng kỹ thuật quản lý CTR của Thành phố. Song song với quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng, năng lực nhận thức về môi trường, hiểu biết về tầm quan trọng của tuần hoàn chất thải và phát triển bền vững cần được nâng cao, cũng như kỹ năng quản lý CTR tại các CSDVLT cần được chuẩn bị. Theo đó, hướng dẫn kỹ thuật quản lý CTR tại các CSDVLT theo định hướng giảm thiểu và tuần hoàn chất thải là cần thiết. Trước tiên, cần có các chỉ dẫn (giải pháp) cụ thể với các mục tiêu cụ thể như: giảm tổng lượng chất thải và chất thải bao bì nói riêng; giảm phát sinh chất thải từ các khu vực khác nhau (bếp, giặt ủi, phòng lưu trú, tiếp tân và quản lý điều hành) (Zein et al., 2008). Ưu tiên tiếp theo sau giảm thiểu CTR là quản lý theo hướng tận dụng tối đa tài nguyên từ chất thải. Theo đó, phương án phân loại CTR tại cơ sở lưu trú cần cụ thể cho mỗi loại hình dịch vụ lưu trú, cân nhắc quy mô của từng loại hình liên quan đến khả năng đáp ứng về nhân sự, không gian và thời gian đầu tư cho công tác quản lý CTR. Các CSDVLT cần tiếp cận dễ dàng với các dịch vụ quản lý CTR thông qua danh mục các tổ chức thu mua, tái

chế CTR, tập huấn phân loại và tái chế CTR hoặc hotline hỗ trợ các hoạt động nêu trên.

4. Kết luận

Trên cơ sở khảo sát 31 CSDVLT, đối thoại với các bên liên quan tại Hội thảo ngày 27/12/2019 về hiện trạng và định hướng quản lý CTR và phát triển du lịch địa phương, và tổng quan tài liệu, nghiên cứu đã chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của hoạt động quản lý CTR tại các CSDVLT. Thành phố Hội An thuận lợi đối với mục tiêu tuần hoàn chất thải và phát triển bền vững khi có hệ thống các CSDVLT quy mô lớn chi phối về khả năng cung cấp phòng lưu trữ và đáp ứng năng lực quản lý CTR. Khó khăn tồn tại ở các CSDVLT quy mô nhỏ với mức độ thực hành phân loại CTR chưa cao. Nâng cao năng lực nhận thức và thực hành quản lý CTR là giải pháp quan trọng nhằm chuẩn bị trong quá trình Thành phố hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật tái chế và xử lý CTR. Chính quyền địa phương cần phát huy vai trò kết nối và hỗ trợ các tổ chức môi trường, nghiên cứu - giáo dục, tổ chức xã hội và quốc tế đồng hành trong tiến trình hoàn thiện hệ thống quản lý CTR theo định hướng tuần hoàn và bền vững.

Công tác quản lý CTR theo định hướng tuần hoàn chất thải và phát triển bền vững tại các CSDVLT có sự tham gia và đóng góp rất lớn từ phía du khách. Các nghiên cứu tiếp theo cần đánh giá hiệu quả của công tác tuyên truyền về phân loại CTR tại nguồn đối với du khách, cũng như nhận thức của du khách về vấn đề CTR du lịch và năng lực phân loại CTR. Trên cơ sở đó, các giải pháp hướng đến du khách sẽ được đề xuất một cách cụ thể.

- ❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.
- ❖ **Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được tài trợ kinh phí từ Trường Đại học Văn Lang. Cảm ơn quý anh/ chị đã tham gia chia sẻ tại Hội thảo ngày 27/12/2019 tại Thành phố Hội An, cảm ơn em Lâm Trúc Thanh và Châu Thị Thanh Trúc đã tham gia cùng nhóm khảo sát

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Adepoju, T., & Famade, O. A. (2010). The application of strengths, weaknesses, opportunities and threats (SWOT) analysis for managing vocational and technical education (VTE) programmes for improved efficiency in Nigeria. *Educational Research and Reviews*, 5(7), 354-361.
- Benzaghta, M. A., Elwalda, A., Mousa, M. M., Erkan, I., & Rahman, M. (2021). SWOT analysis applications: An integrative literature review. *Journal of Global Business Insights*, 6(1), 55-73.
- Bull, J. W., Jobstvogt, N., Böhnke-Henrichs, A., Mascarenhas, A., Sitas, N., Baulcomb, C., Lambini, C., Rawlins, M., Baral, H., Zaehring, J., Carter-Silk, E., Balzan, M., Kenter, J., Häyhä, T., Petz, K., & Koss, R., (2016). Strengths, Weaknesses, Opportunities and Threats: A SWOT analysis of the ecosystem services framework. *Ecosystem services*, 17, 99-111. <http://doi.org/10.1016/j.ecoser.2015.11.012>

- David, F. R., Creek, S. A., & David, F. R. (2019). What is the key to effective SWOT analysis, including AQCD factors. *SAM Advanced Management Journal*, 84(1), 25-32.
- DONRE (Division of Natural Resource and Environment of Hoi An City) (2019). [Speech at the Stakeholder Workshop on December 27, 2019].
- Falcone, P. M. (2019). Tourism-Based Circular Economy in Salento (South Italy): A SWOT-ANP Analysis. *Social Sciences*, 8(7), Article 216. <https://doi.org/10.3390/socsci8070216>
- GEF-SGP, & UNDP. (2018). *Building a socialized model of domestic waste management in Hoi An*. <https://www.undp.org/vietnam/publications/building-socialized-model-domestic-waste-management-hoi>
- GEF-SGP, & UNDP. (2020). Bài học kinh nghiệm và hướng áp dụng kết quả dự án. Dự án xây dựng mô hình xã hội hóa công tác quản lý rác thải sinh hoạt tại Thành phố Hội An [Lessons learned and directions for applying project results] (VN/GEF SGP/OP4/Y3/CORE/10/07). <https://www.thegef.org/sites/default/files/publications/R%C3%A1c%20H%E1%BB%99%20An-web-VIE.pdf>
- Gkargkavouzi, A., Paraskevopoulos, S., & Matsiori, S. (2020). Public perceptions of the marine environment and behavioral intentions to preserve it: The case of three coastal cities in Greece. *Marine Policy*, 111, Article 103727. <https://doi.org/10.1016/j.marpol.2019.103727>
- Green Youth Collective. (2019). [Speech at the Stakeholder Workshop on December 27, 2019].
- Green Youth Collective. (2023). <https://greenyouthcollective.org/>
- Hoang, M. G., Fujiwara, T., & Phu, S. T. P. (2017). Municipal waste generation and composition in a tourist city - Hoi An, Vietnam. *Journal of JSCE*, 5(1), 123-132. https://doi.org/10.2208/journalofjsce.5.1_123
- Houben, G., Lenie, K., & Vanhoof, K. (1999). A knowledge-based SWOT-analysis system as an instrument for strategic planning in small and medium sized enterprises. *Decision support systems*, 26(2), 125-135. [https://doi.org/10.1016/S0167-9236\(99\)00024-X](https://doi.org/10.1016/S0167-9236(99)00024-X)
- Kabir, Z., & Kabir, M. (2020). Solid Waste Management in Developing Countries: Towards a Circular Economy. In C. Baskar, S. Ramakrishna, S. Baskar, R. Sharma, A. Chinnappan, & R. Sehrawat (Eds.), *Handbook of Solid Waste Management: Sustainability through Circular Economy* (pp. 1-34). Springer Singapore. https://doi.org/10.1007/978-981-15-7525-9_1-1
- Kurttila, M., Pesonen, M., Kangas, J., & Kajanus, M. (2000). Utilizing the analytic hierarchy process (AHP) in SWOT analysis—a hybrid method and its application to a forest-certification case. *Forest policy and economics*, 1(1), 41-52. [https://doi.org/10.1016/S1389-9341\(99\)00004-0](https://doi.org/10.1016/S1389-9341(99)00004-0)
- Lan Anh (Producer). (2023, 16/12/2023). Hội An: Dự án xử lý rác chậm tiến độ, chính quyền “sốt ruột” [Hoi An: Garbage treatment project is behind schedule, the government is "impatient"]. <https://baotainguyenmoitruong.vn/hoi-an-du-an-xu-ly-rac-cham-tien-do-chinh-quyen-sot-ruot-362928.html>
- Lee, S., & Sai On Ko, A. (2000). Building balanced scorecard with SWOT analysis, and implementing “Sun Tzu’s The Art of Business Management Strategies” on QFD methodology. *Managerial Auditing Journal*, 15(1/2), 68-76. <https://doi.org/10.1108/02686900010304669>
- Livas, L. M. (2022). *A SWOT Analysis: City of Covina’s Organic Waste Disposal Reduction Ordinance*. California State Polytechnic University Pomona, CA, USA,

- Manomaivibool, P. (2015). Wasteful tourism in developing economy? A present situation and sustainable scenarios. *Resources, Conservation and Recycling*, 103, 69-76. <https://doi.org/10.1016/j.resconrec.2015.07.020>
- Mutz, D., Hengevoss, D., Hugi, C., & Gross, T. (2017). *Waste-to-energy options in municipal solid waste management: A guide for decision makers in developing and emerging countries*. https://www.giz.de/en/downloads/GIZ_WasteToEnergy_Guidelines_2017.pdf
- Mỹ Lê (Producer). (2023, 16/12/2023). Hội An định hướng phát triển mạng lưới cơ sở lưu trú du lịch [Hoi An aims to develop a network of tourist accommodation establishments]. <https://baoquangnam.vn/hoi-an-dinh-huong-phat-trien-mang-luoi-co-so-luu-tru-du-lich-3044487.html>
- Oteng-Ababio, M. (2011). Missing links in solid waste management in the Greater Accra Metropolitan Area in Ghana. *GeoJournal*, 76(5), 551-560. <https://doi.org/10.1007/s10708-010-9363-9>
- Pan, S.-Y., Gao, M., Kim, H., Shah, K. J., Pei, S.-L., & Chiang, P.-C. (2018). Advances and challenges in sustainable tourism toward a green economy. *Science of The Total Environment*, 635, 452-469. <https://doi.org/10.1016/j.scitotenv.2018.04.134>
- People's Committee of Hoi An City. (2014). *Plan to develop a network of accommodation establishments in Hoi An until 2020*. Hoi An
- People's Committee of Hoi An City. (2018). *While paper on solid waste management in Hoi An City*. Hoi An.
- People's Committee of Hoi An City. (2021). *Plan No. 801/KH-UBND dated April 7, 2021, regarding the implementation of solutions to reduce the use of plastic bags and single-use plastic products; enhancement of the effectiveness of waste reduction, classification, and management at the source to protect the environment in the city in 2021 [in Vietnamese]*. Hoi An
- Pham, P. S. T., Hoang, M. G., & Fujiwara, T. (2018). Analyzing solid waste management practices for the hotel industry. *Global Journal of Environmental Science and Management*, 4(1), 19-30. <https://doi.org/10.22034/gjesm.2018.04.01.003>
- Pirani, S. I., & Arafat, H. A. (2014). Solid waste management in the hospitality industry: A review. *Journal of Environmental Management*, 146, 320-336. <https://doi.org/10.1016/j.jenvman.2014.07.038>
- QTA (Quang Nam Tourism Association) (2019). [Speech at the Stakeholder Workshop on December 27, 2019].
- Scotti, E., & Pietrantonio, F. (2013). The hospital Internal Medicine specialist today: a literature review and strength, weaknesses, opportunity, threats (SWOT) analysis to develop a working proposal. *Italian Journal of Medicine*, 7(4), 278-286.
- Seah, S., & Addo-Fordwuor, D. (2021). Roles and strategies of the local government in municipal solid waste management in Ghana: Implications for environmental sustainability. *World Environment*, 11(1), 26-39.
- Season Restaurant. (2019). [Speech at the Stakeholder Workshop on December 27, 2019].
- Silk Sense Hoi An River Resort. (2019). [Speech at the Stakeholder Workshop on December 27, 2019].

- Singh, S. (2020). Decentralized solid waste management in India: A perspective on technological options. *New Delhi: National Institute of Urban Affairs*, 290-304.
- Son, P. (2023). Hội An nâng cao chất lượng dịch vụ lưu trú [Hoi An enhances the quality of accommodation services]. <https://baoquangnam.vn/du-lich/hoi-an-nang-cao-chat-luong-dich-vu-luu-tru-150392.html>
- UED-UDN. (University of Science and Education - The University of Da Nang) (2019). [Speech at the Stakeholder Workshop on December 27, 2019].
- Valentin, E. K. (2001). SWOT analysis from a resource-based view. *Journal of marketing theory and practice*, 9(2), 54-69. <https://doi.org/10.1080/10696679.2001.11501891>
- WWF, & VISI (Vietnam Institute of Seas and Islands). (2020). *The final report on the project "Baseline study on the current status of plastic waste in some coastal conservation areas in Vietnam" [in Vietnamese]*.
- Xie, J., & Lu, C. (2022). Relations among Pro-Environmental Behavior, Environmental Knowledge, Environmental Perception, and Post-Materialistic Values in China. *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 19(1), 537. <https://doi.org/10.3390/ijerph19010537>
- Zein, K., Wazner, M. S., & Meylan, G. (2008). *Best environmental practices for the hotel industry* <http://www.sba-int.ch/spec/sba/download/BGH/SBABGEHOTELLERIEENG2008.pdf>

**WASTE MANAGEMENT IN HOI AN CITY'S ACCOMMODATION SERVICES:
MOVING TOWARDS A CIRCULAR WASTE ECONOMY**

Ho Thi Thanh Hien**, *Phan Van Tini

Văn Lang University, Việt Nam

**Corresponding author: Ho Thi Thanh Hien – Email: hien.htt@vlu.edu.vn*

Received: February 17, 2024; Revised: April 17, 2024; Accepted: May 03, 2024

ABSTRACT

Effective solid waste segregation at source is crucial for sustainable waste management systems. In tourist cities, particularly those with UNESCO World Heritage sites, waste management strategies focusing on minimization and recycling not only address environmental concerns but also reduce resource consumption, supporting sustainable tourism development. This study analyzes the capacity and contribution of accommodation services in Hoi An City towards achieving waste circulation and sustainable development goals. Employing SWOT analysis, the research examines waste management practices in these establishments within the context of local infrastructure and socio-economic conditions. Based on these findings, the study proposes solutions to enhance solid waste management capabilities for accommodation services in Hoi An City.

Keywords: circular economy; recycle; solid waste management; sustainable development; sustainable tourism